

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07-3-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.
2. Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị D**, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Lê Công Trí**, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng:

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1951.

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Chị **Lê Thị Hồng N**, sinh năm 1979

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(chị D có mặt, anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H có mặt, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2018, bản tự khai, tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị D trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Công T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/6/2009. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh T ở thôn B, xã V. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh T bất đồng quan điểm sống với nhau, anh T làm nghề lái xe Bắc- Nam nên không thường xuyên quan tâm đến vợ con và gia đình. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Từ tháng cuối năm 2011, chị đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống đến nay. Từ khi chị đi, anh T cũng không tìm gọi chị về và cũng không liên lạc hay quan tâm gì đến mẹ con chị. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên là Lê Quang S, sinh ngày 26/3/2009. Ly hôn, chị xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Từ năm 2011 đến nay cháu S ở với chị và bố mẹ đẻ chị. Hiện chị làm ruộng và lao động tự do. Thu nhập khoảng 03 triệu đồng đến 06 triệu đồng một tháng. Chị đủ điều kiện để tiếp tục nuôi cháu đến khi trưởng thành.

Về tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại Đơn xin vắng mặt ngày 02/02/2018 gửi cho Tòa án, bị đơn anh Lê Công T trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh và chị D đúng như chị D trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian, do tính tình không hợp nên anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh cũng khẳng định vợ chồng đã ly thân nhau nhiều năm nay. Vì vậy, chị D có đơn xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý. Anh và chị D có 01 con chung là Lê Quang S, sinh ngày 26/3/2009. Hiện nay, cháu đang ở với chị D. Ly hôn, anh đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị D theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh đang lao động tự do, thu nhập khoảng 05 triệu đồng/tháng. Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

*/ Tại Biên bản ghi lời khai ngày 31/01/2018 của cháu Lê Quang S, sinh ngày 26/3/2009 là con của anh T, chị D thể hiện nguyện vọng của cháu nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ là chị D.

*/ Tại Biên bản ghi lời khai của người làm chứng và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ của chị D) trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đúng như chị D trình bày. Từ năm 2011, chị D đã đưa con về nhà bà ở từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nhưng không được. Từ khi chị D về nhà bà, anh T cũng không tìm gọi chị D về và cũng không hỏi han quan tâm gì đến mẹ con chị D. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh T, gia đình bà xét thấy vợ chồng anh chị không thể đoàn tụ được nữa đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị D. Chị D và anh T có 01 con chung tên là Lê Quang S, sinh ngày 26/3/2009. Từ năm 2011 đến nay cháu S đang ở với chị D và gia đình bà. Nếu vợ chồng ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cháu S cho chị D nuôi dưỡng vì chị D thu nhập tương đối ổn định, gia đình bà cũng có điều kiện để phụ giúp chị D nuôi con và có nhà ở là nhà của gia đình bà cho mẹ con chị D ở.

*/ Tại Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là chị Lê Thị Hồng N, (là em ruột của anh T) thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đúng như chị D và anh T trình bày. Từ năm 2011, chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị D ở từ đó đến nay. Gia đình hai bên và chị đã động viên anh chị nhiều lần nhưng chị D vẫn không quay về với anh T. Nay chị D xin ly hôn anh T, chị và gia đình đều thấy anh chị khó có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của anh T và chị D để anh chị ổn định cuộc sống. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu S và anh T, chị D để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị Vũ Thị D và anh Lê Công T được ly hôn. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị D 1.000.000 đồng/1 tháng. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Vũ Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lê Công T và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; Anh Lê Công T có nơi cư trú tại: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Công T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, ít có thời gian để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân nhau và chấm dứt quan hệ hôn nhân trên thực tế từ tháng cuối năm 2011 đến nay. Khi chị D có đơn khởi kiện xin ly hôn, anh T cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Vũ Thị D và anh Lê Công T được ly hôn.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị D và anh Lê Công T có 01 con chung Lê Quang S, sinh ngày 26/3/2009, hiện nay đang ở với chị D. Ly hôn, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị D, anh T giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu S và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị D 01 triệu đồng/tháng kể từ tháng 04/2018 đến khi con S đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; anh T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Vũ Thị D và anh Lê Công T được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung:

Chị Vũ Thị D và anh Lê Công T có 01 con chung Lê Quang S, sinh ngày 26/3/2009. Ly hôn, giao con Lê Quang S cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị D 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng) kể từ tháng 04/2018 đến khi con S đủ 18 tuổi.

Anh Lê Công T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị D, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0002870 ngày 22/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí. Anh Lê Công T phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán, theo mức lãi xuất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Vũ Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 07/3/2018.

Anh Lê Công T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hương